|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ****\_\_\_\_\_\_\_\_\_**Số: 504/TTr-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2024 |

**TỜ TRÌNH TÓM TẮT**

**Dự án Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi:

* Quốc hội;
* Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và bám sát nội dung 06 nhóm chính sách khi đề xuất xây dựng luật tại Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ và các nội dung tại mục II, Tờ trình số 79/TTr-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính, nội dung Báo cáo số 257/BC-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ đã được Quốc hội thông qua khi đề xuất xây dựng Luật.

Chính phủ đã chỉ đạo và xây dựng hồ sơ dự án Luật theo đúng quy trình, quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Dự án Luật đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ban, ngành, doanh nghiệp, Văn Phòng Trung ương Đảng, các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương và các tổ chức có liên quan; lấy ý kiến rộng rãi trên Công Thông tin của Chính phủ, Cổng Thông tin của Bộ Tài chính; đồng thời tổ chức nhiều cuộc Hội thảo, Tọa đàm lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia, các Bộ, ban, ngành, doanh nghiệp, các tổ chức có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến, Chính phủ trình dự án Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp chi tiết tại Tờ trình Quốc hội số /TTr-CP ngày /9/2024 và xin được báo cáo tóm tắt như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong việc nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, trước yêu cầu mới từ thực tiễn quản lý và hội nhập quốc tế, kịp thời khắc phục những hạn chế, tồn tại của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp hiện hành tại Luật số 69/2014/QH13, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam, Chính phủ trình dự án Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thay thế Luật số 69/2014/QH13 là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT**

Bám sát nội dung Chính phủ đã đề xuất khi xây dựng chính sách và đăng ký chương trình xây dựng pháp luật năm 2024 tại các Tờ trình số 189/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ, Tờ trình số 79/TTr-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính và nội dung Báo cáo số 257/BC-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ đã được Quốc hội thông qua khi đề xuất xây dựng Luật.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG LUẬT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Phạm vi điều chỉnh của Luật số 69/2014/QH13 có nội dung *“sử dụng vốn nhà nước”*, *“đầu tư vào sản xuất, kinh doanh”* thể hiện sự chi tiết, bó hẹp về cách tiếp cận, hạn chế tính tự chủ của doanh nghiệp trong việc sử dụng vốn, tài sản trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; còn thể hiện sự can thiệp hành chính của nhà nước vào hoạt động của doanh nghiệp; chưa bao quát được công tác quản lý dòng vốn của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; đồng thời chưa bao gồm nội dung sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Do đó, cần thiết điều chỉnh phạm vi theo hướng không quy định cụ thể nội dung “*sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp*”. Theo đó, việc sử dụng vốn, tài sản được quy định theo hướng *“đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp”*; các quy định về huy động vốn; mua, bán, sử dụng tài sản cố định; quản lý nợ phải thu, phải trả được giao cho doanh nghiệp quyết định nhằm xác định rõ Nhà nước là chủ sở hữu đầu tư vốn, quản lý theo phần vốn góp tại doanh nghiệp, không can thiệp hành chính vào hoạt động của doanh nghiệp; tăng cường phân cấp mạnh gắn với trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.

**2. Đối tượng áp dụng**

Về đối tượng áp dung khi xây dựng chính sách đã xác định *“Doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư khác”* là *doanh nghiệp có vốn đầu tư trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư trực tiếp 100% vốn điều lệ*. Trong quá trình nghiên cứu cụ thể khi xây dựng dự thảo Luật, để đảm bảo thống nhất với nguyên tắc nhà nước quản lý theo dòng vốn đầu tư và theo đúng phần vốn góp tại doanh nghiệp, trên cơ sở ý kiến đề nghị của các doanh nghiệp, các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan, Chính phủ thống nhất dự thảo Luật không đưa đối tượng *doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư khác* vào trong phạm vi điều chỉnh của Luật và giao cho doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước chịu trách nhiệm. Theo đó, tại Điều 2 dự thảo về đối tượng áp dụng gồm: (1) Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của luật doanh nghiệp, tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên (sau đây gọi là doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước); (2) Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, người đại diện chủ sở hữu vốn và tổ chức tín dụng có vốn đầu tư của nhà nước; (3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT**

**1. Bố cục:** Dự thảo Luật gồm 08 chương và 62 điều.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật**

Dự thảo Luật đã bám sát vào mục đích, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa nội dung 06 nhóm chính sách khi đề nghị xây dựng dự án Luật, cụ thể như sau:

*a) Chương I - Những quy định chung* (từ Điều 1 đến Điều 6): quy định phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; việc áp dụng Luật với pháp luật liên quan, điều ước quốc tế; giải thích các từ ngữ sử dụng trong Luật; nguyên tắc, hành vi bị cấm.

*b) Chương II - Quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp* (từ Điều 7 đến Điều 15): xác định rõ nội dung quản lý vốn nhà nước (Điều 8); quy định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ (Điều 9); quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh (Điều 10) theo hướng Chính phủ thống nhất quản lý vốn thông qua cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quản lý theo phần vốn tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước. Thủ tướng Chính phủ thực hiện một số quyền của chủ sở hữu vốn tại một số doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư lớn, giữ vị trí, vai trò chủ đạo, then chốt, quan trọng quốc gia của nền kinh tế trong từng thời kỳ; giao cho cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ như một nhà đầu tư và bình đẳng như các nhà đầu tư khác, còn lại giao cho doanh nghiệp chịu trách nhiệm; trên cơ sở đó quy định cụ thể thẩm quyền về công tác nhân sự, chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hàng năm và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ chỉ quyết định nhân sự người đứng đầu, chiến lược kinh doanh của một số doanh nghiệp giữ vị trí, vai trò chủ đạo, then chốt, quan trọng quốc gia theo danh sách cụ thể trong từng thời kỳ.

Về nguyên tắc, thứ tự phân phối lợi nhuận sau thuế (Điều 15), trong đó Chính phủ đề xuất trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp để đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh, dự án tăng cường năng lực quản trị của doanh nghiệp. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp khi doanh nghiệp không có nhu cầu, chưa có kế hoạch sử dụng được nộp về ngân sách nhà nước hoặc điều chuyển giữa các doanh nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Phần còn lại sau khi sử dụng, trích lập các quỹ theo quy định, doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước. Theo phương án này, ước tính số nộp ngân sách nhà nước từ nguồn lợi nhuận, cổ tức được chia sẽ giảm khoảng 19.847 tỷ đồng/năm và doanh nghiệp được sử dụng nguồn này để bổ sung vốn điều lệ tương ứng là 19.847 tỷ đồng (theo số quyết toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 đã được Quốc hội phê chuẩn với tổng số nộp ngân sách từ cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp là 69.463 tỷ đồng).

*Đối với cơ chế chi tiền lương, tiền thưởng của người lao động tại doanh nghiệp, người do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn cử, giới thiệu, thuê làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp* khi đề xuất xây dựng Luật xác định bổ sung nội dung chi này theo đúng tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Tiếp thu ý kiến tham gia, Chính phủ đề xuất không quy định các nội dung về cơ chế chi trả tiền lương tại dự thảo Luật và quy định tại điểm 15 Điều 12 *“Doanh nghiệp được chi trả tiền lương, tiền công, thù lao cho người lao động theo hiệu quả và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp”*.

*c) Chương III - Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp* (từ Điều 16 đến Điều 24): vốn của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được xác định theo mức vốn do cơ quan đại diện sở hữu vốn đầu tư vào doanh nghiệp và doanh nghiệp đã ghi nhận đủ vốn tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại điều lệ công ty và giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Nguồn vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp gồm (1) Nguồn từ ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn khác (2) Quỹ Đầu tư phát triển để tại doanh nghiệp; lợi nhuận, cổ tức được chia bằng cổ phiếu theo quyết định của cấp có thẩm quyền; giá trị thặng dư cổ phiếu (nếu có).

Về phạm vi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp: khi đề xuất xây dựng chính sách Luật, Chính phủ đã đề nghị mở rộng phạm vi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp so với quy định tại Luật số 69/2014/QH13 hiện nay và Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017, đồng thời đề xuất trong quá trình sơ kết Nghị quyết 12-NQ/TW báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo sẽ được cập nhật điều chỉnh theo ý kiến kết luận của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến tham gia, Chính phủ xác định và trước mắt đề xuất dự thảo Luật thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 và Luật số 69/2014/QH13 hiện nay để quy định phạm vi đầu tư vốn (Điều 18) gồm: (i) Đầu tư thành lập doanh nghiệp vào Doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội; Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên; Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế *(như Luật số 69/2014/QH13 hiện nay)* (ii) Đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp mà Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành nghề quan trọng, thiết yếu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ *(theo nội dung tại Nghị quyết số 12-NQ/TW)* (iii) Việc đầu tư vốn, bổ sung vốn tại doanh nghiệp do Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ đại diện chủ sở hữu vốn được thực hiện theo quy định của Chính phủ *(do bổ sung đối tượng trong dự thảo Luật)*.

Về thẩm quyền đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh mức phân cấp theo hướng (i) Quốc hội quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp theo mức tương ứng với dự án quan trọng quốc gia (ii) Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp ngoài thẩm quyền của Quốc hội và quy định chi tiết trình tự, thủ tục, hồ sơ đầu tư bổ sung vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (iii) Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc phân cấp quyết định chủ trương đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ.

*d) Chương IV - Hoạt động đầu tư của doanh nghiệp* (từ Điều 25 đến Điều 32). Theo đó, quy định nguyên tắc (Điều 25) các dự án đầu tư của doanh nghiệp phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật đầu tư công được thực hiện theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền của pháp luật đầu tư hoặc pháp luật đầu tư công. Các dự án đầu tư của doanh nghiệp phải phê duyệt chủ trương đầu tư không thuộc đối tượng theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật đầu tư công được thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật này. Sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư theo quy định về pháp luật đầu tư, pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Quy định các trường hợp doanh nghiệp không được đầu tư vốn (Điều 27). Đồng thời tiếp thu ý kiến để tiếp tục phân cấp mạnh hơn cho cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, doanh nghiệp so với mức phân cấp khi đề xuất xây dựng chính sách, cụ thể (i) Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định chủ trương dự án đầu tư thuộc nhóm A theo quy định của Luật Đầu tư công hoặc có tổng mức đầu tư bằng mức từ 50% vốn điều lệ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ hoặc có ý kiến để người đại diện vốn biểu quyết quyết định chủ trương dự án đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước từ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ. Doanh nghiệp quyết định phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư còn lại (được quy định từ Điều 28 đến Điều 32).

*đ) Chương V - Sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp* (từ Điều 33 đến Điều 39): quy định nguyên tắc, việc thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn nhà nước đã đầu tư tại doanh nghiệp nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư vốn tại doanh nghiệp; đảm bảo linh hoạt, kịp thời, phù hợp với cơ chế thị trường, đáp ứng yêu cầu quản lý vĩ mô nền kinh tế đối với từng ngành, nghề, lĩnh vực nhà nước đầu tư vốn trong từng thời kỳ; không thực hiện xác định trong giá trị doanh nghiệp khi chuyển nhượng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với tài sản là các công trình, dự án kết cấu hạ tầng đang được giao doanh nghiệp quản lý, khai thác do Nhà nước đầu tư có ý nghĩa quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Việc quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định chuyển doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc chuyển nhượng phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Việc chuyển nhượng vốn của nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị doanh nghiệp và giá khởi điểm làm cơ sở xây dựng và quyết định phương án chuyển nhượng phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp.

Về hợp nhất, sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước được thực hiện theo quy định về pháp luật doanh nghiệp; bao gồm việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách giữa các doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư hoặc giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước với doanh nghiệp không có vốn đầu tư của nhà nước. Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước 100% vốn điều lệ; có ý kiến để người đại diện chủ sở hữu vốn biểu quyết quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước từ trên 50% vốn điều lệ đến dưới 100% vốn điều lệ. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ là công ty nông, lâm nghiệp khi thực hiện giải thể được Nhà nước hỗ trợ đảm bảo kinh phí giải quyết các tồn tại tài chính khi mất khả năng thanh toán và chi phí giải thể khi tiền thu bán tài sản không đảm bảo thanh toán. Về phá sản doanh nghiệp khi bị đề nghị phá sản, thực hiện theo quy định của Luật Phá sản. Việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước giữa các cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn do Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt chủ trương.

*e) Chương VI - Cơ quan, người đại diện chủ sở hữu vốn* (từ Điều 40 đến Điều 45): quy định cụ thể các cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, trong đó quy định UBQLVNN là cơ quan chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và quy định vị trí của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước là đơn vị trực thuộc quản lý của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; quy định quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn (Điều 41 và Điều 42); quy định rõ tiêu chuẩn người đại diện chủ sở hữu vốn (Điều 43), việc cử người đại diện (Điều 44); quy định về quyền, nghĩa vụ của người đại diện sở hữu vốn (Điều 45).

*g) Chương VII - Giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá và báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp* (từ Điều 46 đến Điều 59): xác định rõ từng chủ thể thực hiện như: giám sát tối cao của Quốc hội, giám sát và kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, kiểm tra và thanh tra của Chính phủ, giám sát và kiểm tra nội bộ của doanh nghiệp. Việc đánh giá được thực hiện đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ và người đại diện chủ sở hữu vốn, Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn cử, giới thiệu, thuê; việc đánh giá đảm bảo thận trọng, khách quan, công khai, minh bạch, đúng thời hạn, đánh giá dựa trên kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ được giao, chấp hành chính sách pháp luật, tuân thủ quy định về chế độ báo cáo, đánh giá theo mục tiêu và hiệu quả tổng thể, toàn diện; có loại trừ thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, tác động của yếu tố khách quan. Kết quả đánh giá là cơ sở để có ý kiến việc trích lập, chi Quỹ khen thưởng, phúc lợi và điều chỉnh nhiệm vụ, xếp loại người đại diện chủ sở hữu vốn, kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn cử, giới thiệu, thuê, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại. Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp do doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn thực hiện thẩm tra, phê duyệt, tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính, Bộ Tài chính thẩm tra, tổng hợp trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm.

*h) Chương VIII - Hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp* (từ Điều 60 đến Điều 62): bãi bỏ nội dung về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý và phát triển kinh tế: “*thực hiện chức năng chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật*” quy định tại Khoản 6 Điều 8 Luật Tổ chức chính phủ; quy định chuyển tiếp về các thỏa thuận với các cổ đông chiến lược được tiếp tục thực hiện theo nội dung thỏa thuận cho đến khi hết hiệu lực của văn bản thỏa thuận; đối với các nội dung quy định tại Luật số 69/2014/QH13 *về huy động vốn; mua, bán, sử dụng tài sản cố định; quản lý nợ phải thu, phải trả* đã được cấp có thẩm quyền quy định, quyết định được tiếp tục có hiệu lực thi hành, thực hiện cho đến khi có quy định, quyết định theo quy định của Luật này.

Riêng đối với nhóm chính sách về quản trị doanh nghiệp khi đề xuất chính sách (chính sách 6), tiếp thu ý kiến các doanh nghiệp, đơn vị, Bộ, ngành, Chính phủ đề xuất dự thảo Luật theo hướng không đưa các nội dung tại Chương IV của Luật Doanh nghiệp vào các Điều, khoản tương ứng tại Luật này. Theo đó, bỏ nội dung về “*Quản trị doanh nghiệp*”, đồng thời không quy định những nội dung tại chính sách 6 về quản trị doanh nghiệp khi đề xuất xây dựng chính sách. Đối với việc quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty và doanh nghiệp khác hiện đang được quy định tại Điều 95 của Luật Doanh nghiệp, do vậy trường hợp cấp có thẩm quyền cho phép được kiêm nhiệm thì giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT**

Các nội dung dự thảo Luật nêu trên khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy trong tổ chức thi hành Luật; không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (Không có)**

Trên đây là Tờ trình tóm tắt về dự án Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội;- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tài chính;- Lưu: VT, PL ( bản). | **TM. CHÍNH PHỦ****KT. THỦ TƯỚNG****PHÓ THỦ TƯỚNG****(Đã ký)****Hồ Đức Phớc** |